VĂN PHÒNG UBND TỈNH NGHỆ AN
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HCC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /BC-HCC

Nghệ An, ngày 30 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO
Hoạt động tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An

(Từ ngày 15/9/2026 - 14/10/2026)

Thực hiện Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP ngày 06/8/2026 của Bộ Tư pháp về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) báo cáo kết quả hoạt động tháng 10 năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trong tháng 10 năm 2026: 27.121 hồ sơ.
- Số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 2.443 hồ sơ.
- Số hồ sơ đã, đang giải quyết đúng hạn, trước hạn: 27.082 hồ sơ, chiếm 99,86%.
- Số hồ sơ đã, đang giải quyết quá hạn: 39 hồ sơ, chiếm 0,14%.
- Hồ sơ trả lại/Rút: 269 hồ sơ.
- Hồ sơ chờ bổ sung: 497 hồ sơ.
- Số hồ sơ nộp trực tuyến: 19.482 hồ sơ, đạt 78,94%;
- Số lượt sử dụng dịch vụ bưu chính công ích:
- Hồ sơ của các thủ tục liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh):. Trong đó: 15 hồ sơ.

+ Đã có kết quả giải quyết: 3

+ Chưa có kết quả: 12 hồ sơ

* Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại/ Rút HS
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
1	Sở Công thương	14	5	9	0	13	0	100,00	1	0	0	0
2	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	63	22	0	41	37	0	100,00	11	0	13	2
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0	0
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	0	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0	0
5	Sở Khoa học và Công nghệ	67	65	0	2	0	0	100,00	63	0	2	2
6	Sở Ngoại vụ	3	0	0	3	0	0	0,00	3	0	0	0
7	Sở Nội vụ	1	1	0	0	0	1	0,00	0	0	0	0
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	214	79	134	1	131	5	97,44	15	4	11	48
9	Sở Tài chính	74	49	24	1	4	0	100,00	14	1	50	5
10	Sở Tư pháp	1	1	0	0	0	0	0,00	1	0	0	0

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại/ Rút HS
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0	0	0	0	0	0	0,00	0	0	0	0
12	Sở Xây dựng	114	0	0	114	112	0	100,00	0	0	0	2
13	Sở Y tế	5	5	0	0	0	0	100,00	0	0	5	0
TỔNG CỘNG		**556**	**227**	**167**	**162**	**297**	**6**	**98,65**	**108**	**5**	**81**	**59**

* Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên các hệ thống Bộ, ngành, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại/ Rút HS
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
1	Sở tài chính	2587	0	0	2587	2289	0	100,00	0	0	298	0
2	Bảo hiểm xã hội	11729	754	2239	8736	10669	0	100,00	1060	0	0	0
3	Điện lực	26	0	0	26	26	0	100,00	0	0	0	0
4	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	327	37	0	290	288	0	100,00	21	0	17	1

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại/ Rút HS
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
5	Sở Công thương	189	52	30	107	131	0	100,00	37	0	2	19
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	206	11	38	157	164	1	99,50	7	0	34	0
7	Sở Khoa học và Công nghệ	253	104	0	149	233	0	100,00	16	0	0	4
8	Sở Nội vụ	7587	810	2677	4100	6843	21	99,70	656	2	36	29
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	369	113	0	256	253	1	99,64	89	3	8	15
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	107	4	0	103	81	0	100,00	10	0	6	10
11	Sở Xây dựng	2102	71	44	1987	1931	0	100,00	58	0	3	110
12	Sở Y tế	1056	255	0	801	619	0	100,00	403	0	12	22
13	Sở Tư pháp	27	5	1	21	23	0	100,00	4	0	0	0
TỔNG CỘNG		**26565**	**2216**	**5029**	**19320**	**23550**	**23**	**99,90**	**2361**	**5**	**416**	**210**

2. Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp xã

* Thống kê tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được ghi nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Hệ thống thông tin giải quyết Bộ, ngành (Các Bộ: Xây dựng; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và Môi trường; Công

thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nội vụ; Tư pháp) cấp xã tháng 10 năm 2026 như sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 114.594 hồ sơ. Trong đó:
- Tổng số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 12.195 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tiếp: 723 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến: 101.676 hồ sơ, đạt 99,29%.
- Tổng số hồ sơ đã xử lý: 105.779 hồ sơ.

* Hồ sơ được tiếp nhận tại cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tháng 10 năm 2026 như sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 30.466 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 12.041 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tiếp: 1.332 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến: 17.093 hồ sơ, đạt 92,77%.
- Hồ sơ đã xử lý: 28.279 hồ sơ.

Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cụ thể (Phụ lục I, II kèm theo)

3. Công tác Kiểm soát thủ tục hành chính.

- Đã tham mưu Văn phòng UBND tỉnh, UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh, ban hành các văn bản triển khai văn bản của Trung ương, Tỉnh uỷ, Đảng uỷ UBND tỉnh, các văn bản đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương trong giải quyết TTHC;

- Đã tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 73 (chưa tính bên bộ phận Nghiệp vụ 1 cửa) văn bản[1] chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tập trung đẩy mạnh thực hiện cải cách TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bảo đảm tính đồng bộ, liên thông trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị, nhất là các thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp; hoạt động, vận hành của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 130 Trung tâm Phục vụ hành

[1] Các văn bản điển hình: Công văn số 6684/UBND-KSTT ngày 09/6/2026 V/v thực hiện các thủ tục hành chính được cắt giảm, đơn giản hóa, bãi bỏ theo các Nghị quyết của Chính phủ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Tư pháp; Công văn số 7923/UBND-KSTT ngày 01/7/2026 V/v cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, chuyển đổi số; Công văn số 1820/VPUB-KSTT ngày 07/8/2026 về việc yêu cầu báo cáo kết quả đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở, ban, ngành; Công văn số 9861/UBND-KSTT ngày 03/8/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ quy định đơn giản hoá thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; Công văn số 10047/UBND-KSTT ngày 07/8/2026 về việc triển khai thực hiện Công văn số 7795/VPCP-CĐS; Công văn số 1247/VPUB-KSTT ngày 31/7/2026 thực hiện cập nhật, báo cáo tiến độ nhiệm vụ, công việc trên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Văn phòng Chính phủ; Công văn số 9203/UBND-KSTT ngày 22/7/2026 thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo kiến nghị của Bộ Tư pháp 11 Nghị quyết của Chính phủ; Công văn số 1181/VPUB-KSTT ngày 16/7/2026 về việc phối hợp trả lời kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thứ tư, HĐND tỉnh Khoá XIX;…

chính công cấp xã chủ động, khoa học và hiệu quả, không gián đoạn, cụ thể như sau:

- Tiếp tục công bố danh mục TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử áp dụng trên địa bàn tỉnh; cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC ngay sau khi Bộ, cơ quan ngang Bộ công bố TTHC; tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến từ các TTHC đặc thù trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Kết quả, từ ngày 15/9/2026 đến ngày 14/10/2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 31 Quyết định công bố danh mục TTHC với 460 TTHC (cấp tỉnh: 430 TTHC, cấp xã: 30 TTHC). Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã thiết lập quy trình điện tử, cấu hình dịch vụ công cho 100% trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

- Tham mưu công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, bám sát Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030; Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 19/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Kế hoạch số 4280/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Nghệ An năm 2026; Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030 gắn với triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của triển khai thực hiện Đề án 06, Nghị quyết 57-NQ/TW của Ban chỉ đạo tỉnh, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh[2].

- Chủ động, phối hợp với các Sở, Ngành để kiểm soát hồ sơ trình phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử phù hợp với yêu cầu xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, Ngành trong giai đoạn mới.

4. Công tác phối hợp, đôn đốc, giám sát việc giải quyết hồ sơ TTHC

---

[2] Một số công việc đã tham mưu văn bản, triển khai: Công văn số 247-CV/ĐU ngày 26/8/2026 đẩy mạnh tuyên truyền công tác cải cách hành chính; Công văn số 10683/UBND-KSTT ngày 20/8/2026 về Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ trong giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 1397/VPUB-KSTT ngày 04/9/2026 về Báo cáo kết quả vận hành chính quyền địa phương hai cấp; Công văn 11521/UBND-KSTT ngày 09/9/2026 về triển khai thực hiện Nghị quyết 258/NQ-CP; Công văn số 1239/VPUB-KSTT V/v đề nghị kiểm tra, xử lý phản ánh kiến nghị việc chậm giải quyết hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; Công văn 11590/UBND-KSTT ngày 10/9/2026 về chấn chỉnh tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; Công văn 10845/UBND-KSTT ngày 24/8/2026 về nghiên cứu, đề xuất cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu,…

- Hoạt động của Trung tâm diễn ra ổn định, công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy trình đã được phê duyệt. Nâng cao vai trò của Trung tâm trong hoạt động Trung tâm tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện TTHC và giải đáp thắc mắc trực tiếp với cán bộ Sở, ban, ngành, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

- Hoạt động luân chuyển hồ sơ từ Trung tâm đến các đơn vị và nhận kết quả từ các đơn vị về Trung tâm thông qua dịch vụ Bưu điện Nghệ An cung cấp được triển khai đáp ứng đúng yêu cầu về thời gian, đảm bảo an toàn.

- Trung tâm tiếp tục chủ trì, phối hợp với Viễn thông Nghệ An, các cơ quan, đơn vị có liên quan khắc phục kịp thời các tồn tại, hạn chế, lỗi của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân thông suốt, hiệu quả, đáp ứng hoạt động vận hành mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp. Tiếp tục rà soát, nâng cấp, tối ưu hóa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt 24/7; hoàn thành việc thiết lập quy trình điện tử của các TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để phù hợp với quy định mới.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 162 phản ánh, kiến nghị (Trong đó: 162 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công quốc gia); số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 106 phản ánh, kiến nghị; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0 phản ánh, kiến nghị.

- Trung tâm tiếp tục tổ chức phân công cán bộ đầu mối hướng dẫn, hỗ trợ các điều kiện cần thiết cho hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã 24/7 hiệu quả. Triển khai các nhóm Zalo để thông báo, hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ kịp thời các vướng mắc, đồng hành với các xã trong hoạt thực hiện thủ tục hành chính. Triển khai công tác tập huấn trực tiếp, hỗ trơ về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng khai thác, sử dụng hệ thống thông tin cho các đơn vị.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC

1. Tại cấp tỉnh

Hệ thống điều phối giải quyết TTHC đến nay vẫn xảy ra tình trạng chưa đồng bộ đầy đủ hồ sơ, trạng thái hồ sơ, các chức năng thống kê, báo cáo chưa đáp ứng yêu cầu; chức năng chấm điểm đánh giá chất lượng phục vụ trong giải quyết TTHC chưa được xây dựng dẫn tới khó khăn trong việc theo dõi, giám sát, thống kê, báo cáo số liệu, chất lượng giải quyết TTHC.

Hệ thống Phản ánh kiến nghị: Các chức năng trích xuất, thống kê báo cáo tình hình tiếp nhận, xử lý Phản ánh kiến nghị của các đơn vị chưa đầy đủ, khó

theo dõi; một số quy trình nghiệp vụ, cách tính thời gian xử lý Phản ánh kiến nghị chưa đảm bảo theo quy định.

2. Tại cấp xã

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Bộ Tư pháp: Các Lĩnh vực thuộc ngành tư pháp chiếm số lượng rất lớn hồ sơ tại địa phương đặc biệt là cấp xã, tuy nhiên Hệ thống Bộ tư pháp thường xuyên xảy ra tình trạng lỗi đăng nhập hệ thống, lỗi xử lý, ký số dẫn tới khó khăn trong công tác tiếp nhận, xử lý hồ sơ, nhiều thời điểm gây ùn tắc, phản ánh từ người dân tại các Trung tâm PVHCC cấp xã, công tác hỗ trợ xử lý các khó khăn vướng mắc chưa đảm bảo kịp thời; nhiều hồ sơ trễ hạn nguyên nhân do hệ thống hoạt động không đảm bảo. Các chức năng thống kê, báo cáo đối với nhiều tiêu chí như tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu, tỷ lệ thanh toán trực tuyến…chưa được cung cấp để địa phương thống kê, theo dõi phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

Hệ thống đăng ký hộ kinh doanh, Bộ Tài chính: Hệ thống Đăng ký hộ kinh doanh không cấp tài khoản cho Trung tâm PVHCC cấp xã, quy trình không có bước Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm PVHCC theo quy định tại Nghị định 118 mà chỉ cấp tài khoản cho phòng chuyên môn của UBND cấp xã (phòng Kinh tế), dẫn đến việc Trung tâm PVHCC cấp xã không thống kê báo cáo được số liệu, không giám sát đôn đốc tiến độ giải quyết hồ sơ; Chưa cung cấp tài khoản quản trị cấp tỉnh để có thể theo dõi, tổng hợp thống kê báo cáo số liệu của các cấp phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh

- Tiếp tục chủ động phối hợp với Bộ, Ngành chủ quản, Văn phòng UBND tỉnh, VNPT địa phương để triển khai giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, Ngành; Chủ trì, tham mưu, rà soát báo cáo UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC;

- Tiếp tục Rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, đồng thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các TTHC để triển khai thực hiện; Chủ động rà soát việc cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành chưa đảm bảo theo các quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử do tỉnh ban hành, quyết định công bố danh mục DVC trực tuyến.

2. Đối với UBND các xã, phường

- Tiếp tục chủ động phối hợp với Trung tâm tỉnh, các Sở, ban, ngành trong quá trình sử dụng các hệ thống của Bộ, ngành tổng hợp các khó khăn, vướng mắc,

đề xuất để gửi Trung tâm tỉnh để tổng hợp kiến nghị các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác giải quyết TTHC cho người dân được thông suốt, hiệu quả.

3. Đối với VNPT Nghệ An

Chủ động phối hợp với trung tâm tìm giải pháp để nâng cao chất lượng, cải thiện tính năng, hiệu năng, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các Bộ ngành do VNPT triển khai đảm bảo vận hành thông suốt, hiệu quả; Bố trí nhân lực khẩn trương hoàn thành cấu hình quy trình điện tử, quy trình nội bộ đối với danh mục TTHC đặc thù về đất đai trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Trung tâm tháng 10 năm 2026, Trung tâm báo cáo Lãnh đạo UBND tỉnh được biết và chỉ đạo triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Giám đốc TT PVHCC;
- UBND xã, phường;
- Công ty Điện lực NA;
- Bưu điện NA;
- Lưu VT, NVMC(D).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH NGHỆ AN
VĂN PHÒNG U.B.N.D TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Đình Mỹ

PHỤ LỤC I

Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp xã trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Bộ, ngành tháng 10/2026

(Kèm theo Báo cáo số 13 /BC-HCC ngày 30 /10/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An)

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
1	UBND phường Cửa Lò	187	0	3310	3372	100,00	3497
2	UBND phường Hoàng Mai	48	0	534	534	100,00	582
3	UBND phường Quỳnh Mai	9	0	1228	1169	100,00	1237
4	UBND phường Tân Mai	151	289	530	928	64,71	970
5	UBND phường Tây Hiếu	140	1	554	648	99,82	695
6	UBND phường Thái Hòa	108	0	920	958	100,00	1028
7	UBND phường Thành Vinh	290	0	2995	3132	100,00	3285
8	UBND phường Trường Vinh	298	0	2464	2492	100,00	2762
9	UBND phường Vinh Hưng	137	0	1609	1587	100,00	1746
10	UBND phường Vinh Lộc	360	0	1681	1781	100,00	2041
11	UBND phường Vinh Phú	107	0	1800	1743	100,00	1907
12	UBND xã An Châu	228	62	2295	2446	97,37	2585
13	UBND xã Anh Sơn	75	0	604	646	100,00	679
14	UBND xã Anh Sơn Đông	10	0	304	303	100,00	314
15	UBND xã Bắc Lý	1	0	56	56	100,00	57
16	UBND xã Bạch Hà	118	0	320	419	100,00	438
17	UBND xã Bạch Ngọc	27	0	250	272	100,00	277

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
18	UBND xã Bích Hào	158	23	809	904	97,24	990
19	UBND xã Bình Chuẩn	3	15	101	107	87,07	119
20	UBND xã Bình Minh	85	0	654	734	100,00	739
21	UBND xã Cam Phục	15	0	119	123	100,00	134
22	UBND xã Cát Ngạn	207	1	446	624	99,78	654
23	UBND xã Châu Bình	23	0	278	264	100,00	301
24	UBND xã Châu Hồng	54	0	518	507	100,00	572
25	UBND xã Châu Khê	98	0	236	230	100,00	334
26	UBND xã Châu Lộc	27	0	296	281	100,00	323
27	UBND xã Châu Tiến	146	4	425	462	99,07	575
28	UBND xã Chiêu Lưu	12	0	273	279	100,00	285
29	UBND xã Con Cuông	103	15	532	619	97,26	650
30	UBND xã Đại Đồng	309	0	1464	1589	100,00	1773
31	UBND xã Đại Huệ	88	0	763	816	100,00	851
32	UBND xã Diễn Châu	214	180	2041	2253	91,90	2435
33	UBND xã Đô Lương	42	0	868	871	100,00	910
34	UBND xã Đông Hiếu	233	0	391	541	100,00	624
35	UBND xã Đông Lộc	251	0	1396	1528	100,00	1647
36	UBND xã Đông Thành	49	0	1053	1073	100,00	1102
37	UBND xã Đức Châu	54	0	1039	1052	100,00	1093

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
38	UBND xã Giai Lạc	32	0	355	351	100,00	387
39	UBND xã Giai Xuân	26	0	892	897	100,00	918
40	UBND xã Hải Châu	68	0	1016	1056	100,00	1084
41	UBND xã Hải Lộc	86	0	389	427	100,00	475
42	UBND xã Hạnh Lâm	43	1	270	251	99,63	314
43	UBND xã Hoa Quân	115	0	991	1075	100,00	1106
44	UBND xã Hợp Minh	84	0	1225	1248	100,00	1309
45	UBND xã Hùng Chân	15	0	289	295	100,00	304
46	UBND xã Hùng Châu	178	7	1191	1305	99,42	1376
47	UBND xã Hưng Nguyên	126	0	958	970	100,00	1084
48	UBND xã Hưng Nguyên Nam	157	0	1189	1331	100,00	1346
49	UBND xã Huồi Tụ	0	0	31	28	100,00	31
50	UBND xã Hữu Khuông	6	8	21	35	72,41	35
51	UBND xã Hữu Kiệm	31	8	208	214	96,30	247
52	UBND xã Keng Đu	0	0	316	316	100,00	316
53	UBND xã Kim Bảng	171	0	613	574	100,00	784
54	UBND xã Kim Liên	137	0	1367	1428	100,00	1504
55	UBND xã Lam Thành	110	0	1236	1305	100,00	1346
56	UBND xã Lượng Minh	0	0	442	440	100,00	442
57	UBND xã Lương Sơn	3	4	303	269	98,70	310

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
58	UBND xã Mậu Thạch	56	7	281	269	97,57	344
59	UBND xã Minh Châu	245	8	1147	1302	99,31	1400
60	UBND xã Minh Hợp	46	0	1426	1437	100,00	1472
61	UBND xã Môn Sơn	125	1	450	506	99,78	576
62	UBND xã Mường Chọng	20	0	192	177	100,00	212
63	UBND xã Mường Ham	33	0	342	354	100,00	375
64	UBND xã Mường Lống	2	0	161	147	100,00	163
65	UBND xã Mường Quàng	53	3	297	284	99,00	353
66	UBND xã Mường Típ	23	0	65	86	100,00	88
67	UBND xã Mường Xén	26	0	541	563	100,00	567
68	UBND xã Mỹ Lý	4	0	83	87	100,00	87
69	UBND xã Na Loi	3	0	116	119	100,00	119
70	UBND xã Na Ngoi	80	0	189	209	100,00	269
71	UBND xã Nậm Cắn	32	0	349	379	100,00	381
72	UBND xã Nam Đàn	128	0	930	1037	100,00	1058
73	UBND xã Nga My	22	0	242	252	100,00	264
74	UBND xã Nghi Lộc	88	0	1088	1122	100,00	1176
75	UBND xã Nghĩa Đàn	60	0	495	502	100,00	555
76	UBND xã Nghĩa Đồng	45	0	551	471	100,00	596
77	UBND xã Nghĩa Hành	59	0	577	625	100,00	636

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
78	UBND xã Nghĩa Hưng	82	0	673	685	100,00	755
79	UBND xã Nghĩa Khánh	268	0	527	582	100,00	795
80	UBND xã Nghĩa Lâm	43	0	655	656	100,00	698
81	UBND xã Nghĩa Lộc	118	0	500	514	100,00	618
82	UBND xã Nghĩa Mai	54	0	964	949	100,00	1018
83	UBND xã Nghĩa Thọ	101	0	446	491	100,00	547
84	UBND xã Nhân Hòa	47	1	934	941	99,89	982
85	UBND xã Nhôn Mai	10	0	239	238	100,00	249
86	UBND xã Phúc Lộc	237	0	761	825	100,00	998
87	UBND xã Quan Thành	11	1	809	818	99,88	821
88	UBND xã Quảng Châu	91	0	1136	1173	100,00	1227
89	UBND xã Quang Đồng	69	0	676	680	100,00	745
90	UBND xã Quế Phong	78	0	336	373	100,00	414
91	UBND xã Quỳ Châu	145	1	825	867	99,88	971
92	UBND xã Quỳ Hợp	95	25	1404	1450	98,25	1524
93	UBND xã Quỳnh Anh	368	0	1529	1540	100,00	1897
94	UBND xã Quỳnh Lưu	346	0	2393	2534	100,00	2739
95	UBND xã Quỳnh Phú	35	0	1581	1592	100,00	1616
96	UBND xã Quỳnh Sơn	182	0	1400	1484	100,00	1582
97	UBND xã Quỳnh Tam	68	0	1392	1414	100,00	1460

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
98	UBND xã Quỳnh Thắng	86	0	755	810	100,00	841
99	UBND xã Quỳnh Văn	96	0	911	949	100,00	1007
100	UBND xã Sơn Lâm	14	2	324	326	99,39	340
101	UBND xã Tam Đồng	75	0	631	575	100,00	706
102	UBND xã Tam Hợp	141	0	1009	1005	100,00	1150
103	UBND xã Tam Quang	11	32	533	575	94,34	576
104	UBND xã Tam Thái	46	0	581	611	100,00	627
105	UBND xã Tân An	38	0	843	797	100,00	881
106	UBND xã Tân Châu	99	4	3070	2555	99,87	3173
107	UBND xã Tân Kỳ	90	1	907	980	99,89	998
108	UBND xã Tân Phú	40	0	316	310	100,00	356
109	UBND xã Thần Lĩnh	82	1	580	629	99,83	663
110	UBND xã Thành Bình Thọ	31	0	330	348	100,00	361
111	UBND xã Thiên Nhẫn	88	0	816	864	100,00	904
112	UBND xã Thông Thụ	5	13	339	239	96,31	357
113	UBND xã Thuần Trung	84	5	628	648	99,21	717
114	UBND xã Tiên Đồng	32	0	831	831	100,00	863
115	UBND xã Tiền Phong	52	0	291	152	100,00	343
116	UBND xã Tri Lễ	25	0	138	150	100,00	163
117	UBND xã Trung Lộc	33	0	928	930	100,00	961

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
118	UBND xã Tương Dương	23	0	484	484	100,00	507
119	UBND xã Vạn An	123	0	1396	1470	100,00	1519
120	UBND xã Vân Du	90	0	340	387	100,00	430
121	UBND xã Văn Hiến	102	0	1235	1213	100,00	1337
122	UBND xã Văn Kiều	157	0	948	1021	100,00	1105
123	UBND xã Vân Tụ	146	0	774	808	100,00	920
124	UBND xã Vĩnh Tường	110	0	759	834	100,00	869
125	UBND xã Xuân Lâm	277	0	740	934	100,00	1017
126	UBND xã Yên Hòa	10	0	116	115	100,00	126
127	UBND xã Yên Na	0	0	204	203	100,00	204
128	UBND xã Yên Thành	191	0	1538	1682	100,00	1729
129	UBND xã Yên Trung	324	0	672	883	100,00	996
130	UBND xã Yên Xuân	23	0	549	569	100,00	572
TỔNG CỘNG		**12195**	**723**	**101676**	**105779**	**99,29**	**114594**

PHỤ LỤC II

Thống kê số liệu hồ sơ lĩnh vực đất đai được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tháng 10/2026

(Kèm theo Báo cáo số 13 /BC-HCC ngày 30 /10/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An)

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
1	UBND phường Cửa Lò	389	0	238	618	100,00	627
2	UBND phường Hoàng Mai	182	0	218	381	100,00	400
3	UBND phường Quỳnh Mai	310	0	274	569	100,00	584
4	UBND phường Tân Mai	201	0	607	794	100,00	808
5	UBND phường Tây Hiếu	68	2	178	239	98,89	248
6	UBND phường Thái Hòa	97	0	325	356	100,00	422
7	UBND phường Thành Vinh	1748	0	2640	4353	100,00	4388
8	UBND phường Trường Vinh	243	0	116	357	100,00	359
9	UBND phường Vinh Hưng	179	0	117	296	100,00	296
10	UBND phường Vinh Lộc	475	0	127	601	100,00	602
11	UBND phường Vinh Phú	138	0	76	212	100,00	214
12	UBND xã An Châu	45	2	90	130	97,83	137
13	UBND xã Anh Sơn	121	85	275	465	76,39	481
14	UBND xã Anh Sơn Đông	5	0	23	18	100,00	28
15	UBND xã Bắc Lý	0	0	0	0	0,00	0
16	UBND xã Bạch Hà	4	0	2	6	100,00	6
17	UBND xã Bạch Ngọc	9	0	24	30	100,00	33
18	UBND xã Bích Hào	35	38	26	83	40,62	99

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
19	UBND xã Bình Chuẩn	1	1	0	2	0,00	2
20	UBND xã Bình Minh	9	0	6	14	100,00	15
21	UBND xã Cam Phục	16	10	0	20	0,00	26
22	UBND xã Cát Ngạn	27	14	8	35	36,36	49
23	UBND xã Châu Bình	11	0	23	21	100,00	34
24	UBND xã Châu Hồng	0	0	6	4	100,00	6
25	UBND xã Châu Khê	24	25	1	42	3,85	50
26	UBND xã Châu Lộc	0	2	12	14	85,71	14
27	UBND xã Châu Tiến	23	1	49	45	98,00	73
28	UBND xã Chiêu Lưu	1	0	0	1	0,00	1
29	UBND xã Con Cuông	86	75	42	172	35,90	203
30	UBND xã Đại Đồng	200	0	427	548	100,00	627
31	UBND xã Đại Huệ	19	0	103	111	100,00	122
32	UBND xã Diễn Châu	104	490	638	1187	56,56	1232
33	UBND xã Đô Lương	116	0	559	653	100,00	675
34	UBND xã Đông Hiếu	63	0	159	197	100,00	222
35	UBND xã Đông Lộc	240	31	186	435	85,71	457
36	UBND xã Đông Thành	20	0	33	50	100,00	53
37	UBND xã Đức Châu	21	0	60	76	100,00	81
38	UBND xã Giai Lạc	84	28	37	142	56,92	149
39	UBND xã Giai Xuân	29	0	31	48	100,00	60

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
40	UBND xã Hải Châu	30	1	71	90	98,61	102
41	UBND xã Hải Lộc	97	0	45	136	100,00	142
42	UBND xã Hạnh Lâm	25	0	38	51	100,00	63
43	UBND xã Hoa Quân	100	0	67	151	100,00	167
44	UBND xã Hợp Minh	61	0	76	133	100,00	137
45	UBND xã Hùng Chân	22	0	34	42	100,00	56
46	UBND xã Hùng Châu	58	6	98	140	94,23	162
47	UBND xã Hưng Nguyên	306	8	684	923	98,84	998
48	UBND xã Hưng Nguyên Nam	138	0	48	176	100,00	186
49	UBND xã Huồi Tụ	0	0	0	0	0,00	0
50	UBND xã Hữu Khuông	0	0	0	0	0,00	0
51	UBND xã Hữu Kiệm	14	25	0	37	0,00	39
52	UBND xã Keng Đu	0	0	0	0	0,00	0
53	UBND xã Kim Bảng	67	0	89	125	100,00	156
54	UBND xã Kim Liên	25	1	194	194	99,49	220
55	UBND xã Lam Thành	122	0	66	164	100,00	188
56	UBND xã Lượng Minh	0	0	0	0	0,00	0
57	UBND xã Lương Sơn	11	0	43	54	100,00	54
58	UBND xã Mậu Thạch	9	23	0	24	0,00	32
59	UBND xã Minh Châu	20	1	77	93	98,72	98
60	UBND xã Minh Hợp	11	0	39	30	100,00	50

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
61	UBND xã Môn Sơn	21	40	6	54	13,04	67
62	UBND xã Mường Chọng	0	0	3	1	100,00	3
63	UBND xã Mường Ham	1	0	10	11	100,00	11
64	UBND xã Mường Lống	2	0	0	2	0,00	2
65	UBND xã Mường Quàng	0	4	0	2	0,00	4
66	UBND xã Mường Típ	0	0	0	0	0,00	0
67	UBND xã Mường Xén	20	0	28	40	100,00	48
68	UBND xã Mỹ Lý	0	0	0	0	0,00	0
69	UBND xã Na Loi	0	0	0	0	0,00	0
70	UBND xã Na Ngoi	0	0	0	0	0,00	0
71	UBND xã Nậm Cắn	2	0	0	0	0,00	2
72	UBND xã Nam Đàn	17	2	106	116	98,15	125
73	UBND xã Nga My	2	0	0	2	0,00	2
74	UBND xã Nghi Lộc	510	34	810	1318	95,97	1354
75	UBND xã Nghĩa Đàn	692	9	535	1120	98,35	1236
76	UBND xã Nghĩa Đồng	70	0	120	165	100,00	190
77	UBND xã Nghĩa Hành	68	0	62	108	100,00	130
78	UBND xã Nghĩa Hưng	136	1	80	188	98,77	217
79	UBND xã Nghĩa Khánh	341	0	68	391	100,00	409
80	UBND xã Nghĩa Lâm	70	0	30	96	100,00	100
81	UBND xã Nghĩa Lộc	273	11	120	366	91,60	404

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
82	UBND xã Nghĩa Mai	96	0	34	122	100,00	130
83	UBND xã Nghĩa Thọ	115	0	73	146	100,00	188
84	UBND xã Nhân Hòa	38	0	67	89	100,00	105
85	UBND xã Nhôn Mai	0	0	0	0	0,00	0
86	UBND xã Phúc Lộc	235	0	147	363	100,00	382
87	UBND xã Quan Thành	28	16	15	55	48,39	59
88	UBND xã Quảng Châu	9	1	40	45	97,56	50
89	UBND xã Quang Đồng	0	0	0	0	0,00	0
90	UBND xã Quế Phong	31	47	63	114	57,27	141
91	UBND xã Quỳ Châu	33	43	52	93	54,74	128
92	UBND xã Quỳ Hợp	53	1	401	385	99,75	455
93	UBND xã Quỳnh Anh	65	0	316	353	100,00	381
94	UBND xã Quỳnh Lưu	445	0	837	1201	100,00	1282
95	UBND xã Quỳnh Phú	27	0	100	117	100,00	127
96	UBND xã Quỳnh Sơn	151	0	145	284	100,00	296
97	UBND xã Quỳnh Tam	152	0	277	360	100,00	429
98	UBND xã Quỳnh Thắng	200	0	110	297	100,00	310
99	UBND xã Quỳnh Văn	18	0	94	104	100,00	112
100	UBND xã Sơn Lâm	4	4	0	6	0,00	8
101	UBND xã Tam Đồng	33	0	52	67	100,00	85
102	UBND xã Tam Hợp	26	0	57	64	100,00	83

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
103	UBND xã Tam Quang	4	0	9	11	100,00	13
104	UBND xã Tam Thái	0	0	2	2	100,00	2
105	UBND xã Tân An	67	0	81	116	100,00	148
106	UBND xã Tân Châu	45	14	55	103	79,71	114
107	UBND xã Tân Kỳ	158	0	221	311	100,00	379
108	UBND xã Tân Phú	89	0	77	141	100,00	166
109	UBND xã Thần Lĩnh	75	23	78	170	77,23	176
110	UBND xã Thành Bình Thọ	32	0	13	42	100,00	45
111	UBND xã Thiên Nhẫn	20	0	116	115	100,00	136
112	UBND xã Thông Thụ	0	0	0	0	0,00	0
113	UBND xã Thuần Trung	2	0	0	2	0,00	2
114	UBND xã Tiên Đồng	42	0	50	76	100,00	92
115	UBND xã Tiền Phong	2	2	0	4	0,00	4
116	UBND xã Tri Lễ	1	4	1	5	20,00	6
117	UBND xã Trung Lộc	169	0	144	295	100,00	313
118	UBND xã Tương Dương	18	0	25	40	100,00	43
119	UBND xã Vạn An	72	4	600	624	99,34	676
120	UBND xã Vân Du	11	0	24	30	100,00	35
121	UBND xã Văn Hiến	0	0	7	7	100,00	7
122	UBND xã Văn Kiều	234	0	175	381	100,00	409
123	UBND xã Vân Tụ	73	0	77	139	100,00	150

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
124	UBND xã Vĩnh Tường	65	0	81	119	100,00	146
125	UBND xã Xuân Lâm	53	0	85	112	100,00	138
126	UBND xã Yên Hòa	1	0	3	4	100,00	4
127	UBND xã Yên Na	0	0	6	6	100,00	6
128	UBND xã Yên Thành	134	201	741	966	78,66	1076
129	UBND xã Yên Trung	206	0	76	241	100,00	282
130	UBND xã Yên Xuân	25	2	83	84	97,65	110
TỔNG CỘNG		**12041**	**1332**	**17093**	**28279**	**92,77**	**30466**